

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 18/02/2025

Về việc chia tài sản sau khi L hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đ

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thê H

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Y Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 18/02/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 60/2024/TLPT-HNGĐ ngày 29/11/2024 về việc “Chia tài sản sau khi L hôn” do Bản án sơ thẩm số 104/2024/DS-ST ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5187/2024/QĐXXPT-HNGĐ ngày 23/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 245/2025/QĐ-PT ngày 17/01/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Văn H, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phước H, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Số 118E3, Đường số 3, khu dân cư S, khu phố M, phường 7, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

1. Luật sư Nguyễn Văn T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Luật sư Nguyễn Thị M, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Cùng địa chỉ liên hệ: Số 118E3, Đường số 3, khu dân cư S, khu phố M, phường 7, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị Bạch Y, sinh năm 1964

Địa chỉ: Ấp Y, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Y: Ông Nguyễn Nhật L, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Y, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Bạch Y: Luật sư Lê Hữu T- Văn phòng luật sư Nguyễn Văn T (có mặt)

Địa chỉ: 104 A3, khu phố B, phường 6, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Ông Nguyễn Nhật L, sinh năm 1989

3. Bà Huỳnh Thị Kim O, sinh năm 1997 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Y, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

4. Bà Trần Thị H, sinh năm 1960 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V1, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

5. Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1976 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

6. Ông Hồ Huy C, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ liên hệ: Ấp V2, xã V2, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ông Hồ Huy C uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Ngọc P tham gia tố tụng theo văn bản uỷ quyền ngày 03/6/2024.

7. Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1964 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

8. Bà Nguyễn Thị Loan E, sinh năm 1964 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V1, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bà Loan E uỷ quyền cho bà Lê Thị Thu H tham gia tố tụng.

9. Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H: ông Quách Thái H, sinh năm 1967

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

10. Bà Võ Thị Ngọc L, sinh năm 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

11. Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1984 (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp V3, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

12. Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1957 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V1, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre

13. Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt Nam

Địa chỉ trụ sở chính: Số 108, đường Trần Hưng Đạo, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng: Ông Trịnh Minh C, chức vụ: Phó phòng Tổ chức tổng hợp Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt Nam-Chi nhánh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ liên hệ: số 02, Đại lộ Đồng Khởi, phường A1, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

14. Ông Hồ Lê Khánh Đ, sinh năm 1997 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T Định, xã Đ1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- **Người kháng cáo:**

1. Nguyên đơn ông Bùi Văn H

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị Phước H

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Bạch Y, bà Trần Thị H, bà Trần Thị Mỹ H

- **Viện kiểm sát kháng nghị:** Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

- **Người làm chứng do bị đơn triệu tập:** Chị Bùi Thị Cẩm D, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Theo nội D đơn khởi kiện ngày 28/4/2022, đơn bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 05/02/2024, trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Bùi Văn H trình bày:

Ông Bùi Văn H với bà Nguyễn Thị Phước H là vợ chồng, trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Sau đó, ông H với bà H L hôn tại Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre. Tại Quyết định công nhận sự thuận T L hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre công nhận sự thuận T L hôn giữa ông Bùi Văn H với bà Nguyễn Thị Phước H. Ngoài ra, quyết định ghi nhận: Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận; Về nợ chung: Không có. Ngày 26/01/2022, ông H với bà H ký thỏa thuận về việc phân chia tài sản vợ chồng, nội D cụ thể “Tất cả tài sản chung của vợ, chồng thuộc toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt của bà H”. Ông H chỉ ở trong 01 ngôi nhà, đồng thời, bà H đồng ý chu cấp

tiền sinh hoạt hàng tháng cho ông H sống cho đến khi chết. Thời gian đầu, bà H thực hiện đúng theo sự cam kết. Tuy nhiên, sau đó không thực hiện việc chu cấp cho ông H, khóa cửa đuổi ông H ra khỏi nhà. Do đó, ông H phải thuê nhà trọ sống từ tháng 4/2022 cho đến nay, cuộc sống hiện tại rất khó khăn. Trong khi đó bà H quản lý, sử dụng nhiều ngôi nhà và có mối quan hệ khác.

Nay ông Bùi Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Hủy văn bản thỏa thuận về việc phân chia tài sản của vợ, chồng ngày 26/01/2022 của ông Bùi Văn H với bà Nguyễn Thị Phước H.

2/ Hủy hợp đồng bán nhà trả góp giữa ông Bùi Văn H với bà Nguyễn Thị Ngọc P đối với một phần thửa đất số 566, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã V2, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3/ Hủy hợp đồng T cho quyền sử dụng đất giữa ông Bùi Văn H với bà Nguyễn Thị Phước H đối với thửa đất số 40, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

4/ Chia đôi các thửa đất sau đây:

- Thửa đất số 365, thửa đất số 65, cùng tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Thới Lai, huyện B, tỉnh Bến Tre do ông Bùi Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa đất số 346, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre do ông Bùi Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa đất số 90, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre do ông Bùi Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa đất số 290, 291, cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã V2, huyện B, tỉnh Bến Tre do ông Bùi Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa đất số 566, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã V2, huyện B, tỉnh Bến Tre do ông Bùi Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa đất số 263, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã V2, huyện B, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị Phước H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa đất số 245, 246, cùng tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã V huyện B, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị Phước H và hộ bà Nguyễn Thị Phước H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa đất số 40, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị Phước H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông H yêu cầu nhận bằng hiện vật, cụ thể yêu cầu nhận 04 thửa đất sau: Thửa 40, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến

Tre; Thửa đất số 566, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã V2, huyện B, tỉnh Bến Tre; Thửa đất số 263, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã V2, huyện B, tỉnh Bến Tre; Thửa đất số 90, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre. Giao các thửa đất còn lại cho bà Nguyễn Thị Phước H sử dụng. Bên nào nhận giá trị cao hơn thì bồi hoàn lại giá trị cho bên nhận tài sản thấp hơn.

Riêng thửa đất số 341, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Y, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre, ông H đã sang tên cho bà H đứng tên. Hiện tại, bên bà Y đang tranh chấp thì ông H không tranh chấp, Tòa án giải quyết theo yêu cầu của bà Y đối với bà H. Tuy nhiên, số tiền bà Y vay của bà H, vốn gốc chỉ có 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), sau đó cH lãi lên, chứ không phải là số tiền 1.773.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm bảy mươi ba triệu đồng)

Đối với số tiền nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) C Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre, ông H yêu cầu mỗi bên trả một phần hai số nợ, với số tiền là 445.842.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Đối với các khoản nợ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bao gồm: Trần Thị H, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị Loan E, Trần Thị Mỹ H, bà H vay nợ thì có nghĩa vụ trả, do ông H không có ký tên vào giấy nhận nợ và không có nhận tiền vay.

Riêng số nợ 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng) của bà L, ông H ký tên vào giấy nhận nợ, tuy nhiên khi đó, bà H điện thoại bà L để vay tiền, ông H chỉ ký tên vay để bà L yên tâm, chứ không có nhận tiền vay. Ngoài ra, từ khi ký giấy nợ đến nay, bà H là người đóng lãi cho bà L, điều đó chứng tỏ bà H là người vay nợ nên bà H phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà L.

Đối với hợp đồng bán nhà trả góp giữa ông Bùi Văn H với bà Nguyễn Thị Ngọc P thuộc một phần thửa đất số 566, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã V2. Ông H yêu cầu hủy hợp đồng, đồng thời ông H trả lại 01 tháng tiền trả góp mà ông H nhận của bà P, tương đương với số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), Bà H phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà P 25 tháng tiền nhà trả góp là 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Ông H thống nhất hoàn toàn với kết quả đo đạc, định giá tài sản tranh chấp. Đối với chi phí đo đạc, định giá, trích lục ông H yêu cầu chia đôi với bà H mỗi bên chịu phân nửa. Đối với chi phí giám định, bên nào yêu cầu không đúng, bên đó chịu.

Trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Phước H là bà Huỳnh Thị D trình bày:

Bà D không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông H, yêu cầu Tòa án công

nhận văn bản thỏa thuận phân chia tài sản vợ chồng giữa ông Bùi Văn H với bà Nguyễn Thị Phước H có hiệu lực. Bởi vì đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông H với bà H, đồng thời văn bản được công chứng, chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H và chia các thửa đất đang tranh chấp, bà H yêu cầu nhận các thửa đất sau đây: Thửa đất số 65, 356 cùng tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Thới Lai, huyện B, tỉnh Bến Tre; Thửa đất số 566, tờ bản đồ số 8; Thửa đất số 263, tờ bản đồ số 12; thửa đất số 245, 246 cùng tờ bản đồ số 9; thửa đất số 90, tờ bản đồ số 9; Thửa đất số 40, tờ bản đồ số 21. Bà H đồng ý bồi hoàn lại cho ông H giá trị chênh lệch.

* Bà Nguyễn Thị Phước H yêu cầu ông Bùi Văn H phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà H các khoản nợ sau đây:

- Trả lại 984.834.000 đồng trong đó vốn là 823.704.000 đồng và tiền lãi phát sinh 1,66%, tính từ ngày 30/8/2023 với số tiền là 161.130.000 đồng. Đây là số tiền mà bà H đã trả nợ thay cho ông H các khoản nợ của Ngân hàng Kiên Long.

- Trả lại số tiền 279.174.000 đồng, trong đó tiền vốn là 239.059.445 đồng và tiền lãi phát sinh 40.114.555 đồng mà bà H đã trả thay ông H tại Ngân hàng C Việt Nam-Chi nhánh Bến Tre.

- Trả lại cho bà H số tiền 240.000.000 đồng do ông H với bên ông Phạm Văn Dừa, bà Phạm Thị Rục thỏa thuận hủy hợp đồng chuyển nhượng đối với thửa đất số 383, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Lộc Thuận, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Yêu cầu ông H liên đới cùng bà H trả nợ cho Ngân hàng C Việt Nam-Chi nhánh Bến Tre với số tiền vay còn thiếu là 891.683.826 đồng và tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ của ngân hàng mà hiện tại ông H, bà H còn nợ.

- Yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ liên đới với bà H hoàn trả cho bà Trần Thị Mỹ H số tiền là 822.830.000 đồng, do đây là khoản nợ mà bà H đã vay của bà H để trả cho Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Bến Tre và ngân hàng TMCP Kiên Long B.

- Yêu cầu ông H phải liên đới với bà H trả 4.000.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Loan E.

- Yêu cầu ông H phải liên đới với bà H hoàn trả 750.000.000 đồng cho bà Trần Thị H.

* Đối với yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Phước H với bà Nguyễn Thị Bạch Y: Bà H đồng ý theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bạch Y, trường hợp Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng từ bà Y sang ông H, hủy hợp đồng chuyển nhượng từ ông H sang bà H.

Bà H yêu cầu bà Y hoàn trả lại các khoản tiền như sau:

- Trả 2.379.011.400 đồng, trong đó vốn vay là 1.773.000.000 đồng và lãi phát sinh là 1,67%.

- Trả 687.240.000 đồng, trong đó vốn vay là 400.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 1,67 %.

Tổng cộng hai khoản là 3.066.251.400 đồng (Ba tỷ không trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm năm mươi một nghìn bốn trăm đồng).

Đối với hợp đồng yêu cầu khO nợ ngày 29/3/2023, do bên ông L tự ý ghi thêm “nợ gốc 400.000.000 vnd” vi phạm nguyên tắc tự nguyện, không đúng ý chí của bà Nguyễn Thị Phước H, do đó yêu cầu tuyên bố vô hiệu.

Bên bị đơn bà Nguyễn Thị Phước H thống nhất hoàn toàn với kết quả đo đạc, định giá phần đất đang tranh chấp.

Trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Nhật L, đồng thời cũng là người được người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bạch Y ủy quyền, anh L trình bày:

Vào ngày 28/9/2020 (ÂL) bà Y có vay của bà Nguyễn Thị Phước H số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Bà Y có thể chấp cho bà H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 341, tờ bản đồ số 5, diện tích 1355,1 m², tọa lạc xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre do bà Y đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 21/4/2021, do số tiền nợ gốc và lãi nói trên lên đến 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) nên ông Bùi Văn H (cH bà H) ép bà Y phải chuyển nhượng thửa đất nói trên bằng “Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất có điều kiện” và bà Y đồng ý ký tên nhưng không có công chứng, chứng thực.

Đến ngày 02/6/2021, bà Y và ông H có đến Ủy ban nhân dân xã L, huyện B để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên. Mục đích là để làm tin cho ông H, bà H chứ không phải là chuyển nhượng quyền sử dụng đất thật sự. Bên ông H, bà H cam kết khi nào bà Y trả dứt nợ gốc và lãi thì sẽ làm thủ tục sang tên thửa đất lại cho bà Y, bởi vì trên thực tế bên ông H, bà H vẫn còn tính lãi liên tục đối với số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng.

Bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 02/6/2021 giữa bà Nguyễn Thị Bạch Y với ông Bùi Văn H đối với thửa đất số 341, tờ bản đồ số 05, diện tích 1355,1 m², tọa lạc xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 341, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.355,1 m², tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre hiện do ông Bùi Văn H đang đứng tên quyền sử dụng đất để trả lại quyền sử dụng đất cho bà Y.

- Huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 31/3/2022 giữa ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị Phước H tại thửa đất số 341, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.355,1m², tọa lạc xã Long Hoà, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Yêu cầu điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà Nguyễn Thị Phước H sang cho bà Nguyễn Thị Bạch Y đứng tên đối với thửa đất số 341, tờ bản đồ số 5 diện tích 1.355,1 m², tọa lạc xã Long Hoà, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bên bà Y đồng ý hoàn trả lại cho bên bà H số tiền vay là 400.000.000 đồng và lãi phát sinh theo quy định.

Ông L thống nhất với kết quả đo đạc và định giá tài sản tranh chấp, không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Kim O trình bày:

Bà O là vợ của ông Nguyễn Nhật L đang sử dụng thửa đất số 341, tờ bản đồ số 5 diện tích 1.355,1m², tọa lạc xã Long Hoà, huyện B, tỉnh Bến Tre, bà O thống nhất với yêu cầu của ông L.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 22/9/2023 (BL số 643), đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 02/02/2024 (BL số 652), những lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị H trình bày:

Khoảng tháng 6/2021, bà H có cho bà Nguyễn Thị Phước H vay số tiền 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất 2%/tháng. Bà H làm Giấy mượn tiền viết tay để làm bằng chứng, xác nhận việc vay mượn. Khi vay tiền, bà H có nói rõ mục đích sử dụng tiền là để làm ăn, kinh doanh, mua đất và sinh hoạt phục vụ các nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Từ thời điểm vay đến nay, mỗi tháng, bà H có trả cho bà H 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) tiền lãi. Hiện vẫn còn số nợ gốc là 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng). Bà H sử dụng số tiền đã vay để tạo lập, phát triển khối tài sản chung giữa bà H với ông Bùi Văn H, chi tiêu phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình, đây là nợ chung giữa bà H với ông H. Do đó, bà H yêu cầu ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị Phước H phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại cho bà H số tiền vay là 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 21/9/2023 (BL số 683), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

Khoảng tháng 8/2021, bà L có cho ông Bùi Văn H vay số tiền 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng), lãi suất 3%/tháng. Con ông H là chị Bùi Thị Cẩm D là người viết Giấy mượn tiền và chị D có ký tên để làm bằng chứng, xác nhận việc vay, mượn giữa bà L với ông H. Khi viết thông tin người mượn, chị D đã viết thông tin của bà Nguyễn Thị Phước H là vợ ông H, mẹ ruột của chị D. Tuy nhiên, người vay là ông H. Phía dưới giấy mượn tiền ông H có ký

tên, ghi họ tên xác nhận mượn tiền của bà L. Sau khi nhận tiền xong, ông H không trả lãi cho bà L theo thỏa thuận. Bà L nghe nói ông H để lại toàn bộ tài sản cho bà H, bà H đứng ra trả nợ nên tháng 10/2021 bà L đã liên hệ yêu cầu bà H trả tiền. Từ tháng 10/2021 đến nay, mỗi tháng, bà H có trả cho bà L là 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng) tiền lãi. Riêng tháng 10/2021 trả 78.000.000 đồng (Bảy mươi tám triệu đồng) là tiền lãi tháng 8, tháng 9/2021.

Bà L yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà L số tiền vay còn thiếu là 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng).

Tại văn bản trình bày ý kiến (BL số 676), trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Thu H trình bày:

Vào ngày 10/9/2023, bà Nguyễn Thị Phước H có vay của bà Thu H số tiền là 3.600.000.000 đồng, bà Thu H yêu cầu ông H với bà H liên đới hoàn trả 3.600.000.000 đồng, tuy nhiên bà Thu H có đơn rút yêu cầu độc lập, để hai bên tự thỏa thuận.

Tại văn bản trình bày ý kiến (BL số 632) của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Loan E, trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Loan E là bà Lê Thị Thu H trình bày:

Trước đây, bà Loan E có cho bà Nguyễn Thị Phước H vay tiền để trả nợ Ngân hàng, vay không xác định thời hạn, các bên chỉ thỏa thuận khi nào bà Loan E có nhu cầu lấy lại tiền thì báo trước cho bà H; lãi suất vay là 2%/tháng. Bà H vay tiền của bà Loan E nhiều lần. Cứ mỗi lần vay mới, bà H sẽ viết lại cho bà Loan E giấy mượn tiền theo số nợ tại thời điểm vay thêm và hủy giấy nợ đã viết trước đó.

Đến tháng 3/2022, tổng số tiền bà H đã vay là 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng). Do đó, ngày 6/3/2022, bà H làm giấy mượn tiền để xác nhận lại số tiền đã vay và giao bản chính giấy mượn tiền cho bà Loan E. Thời điểm đó, bà Loan E có biết ông H để lại toàn bộ tài sản chung cho bà H; bà H đứng ra trả nợ chung. Đồng thời, khi vay tiền, bà H cũng nói rõ vay để trả nợ ngân hàng là nợ chung giữa ông H, bà H trong thời kỳ hôn nhân.

Bà Loan E yêu cầu bà Nguyễn Thị Phước H và ông Bùi Văn H phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Loan E số tiền vay còn thiếu 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng).

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 21/9/2023 (BL 656); Đơn yêu cầu độc lập (Đơn thay đổi, bổ sung ngày 20/7/2024) của bà Trần Thị Mỹ H, bà H trình bày:

Trước đây, bà H có yêu cầu độc lập trong vụ án “Tranh chấp tài sản sau L hôn” giữa nguyên đơn ông Bùi Văn H và bị đơn bà Nguyễn Thị Phước H, cụ thể do có mối quan hệ quen biết, bà H có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Phước H, ông Bùi Văn H vay tiền nhiều lần để làm ăn, kinh doanh, chi tiêu sinh hoạt gia đình và chủ yếu là để trả nợ chung giữa ông H, bà H. Từ ngày 11/10/2021, ông H, bà H bắt đầu vay tiền của bà H. Thời điểm đó, ông H và bà H cùng yêu cầu vay nhưng bà H đại diện vợ chồng ký tên xác nhận nợ. Lúc đó, ông H, bà H chưa ly hôn nên bà mới đồng ý để bà H đại diện ký tên. Sau đó, ông H và bà H ly hôn. Bà H có nghe bà H nói ông H để lại toàn bộ tài sản chung cho bà H; bà H đứng ra trả nợ chung. Bà H còn đưa văn bản có xác nhận của Ủy ban xã về việc ông H để lại toàn bộ tài sản cho bà H, đó là văn bản thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung của vợ, chồng đề ngày 26/01/2022 mà ông H và bà H đang tranh chấp trong vụ án này.

Bà H yêu cầu ông H và bà H liên đới trả số tiền 822.830.000 đồng (Tám trăm hai mươi hai triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

Trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc P trình bày:

Đầu năm 2022, ông H có ký tên chuyển nhượng cho bà P ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất số 566, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã V2, huyện B, tỉnh Bến Tre (Nhà có chiều ngang 05 m, chiều dài 30 m), với số tiền là 1.800.000.000 đồng, trả góp mỗi tháng là 30.000.000 đồng. Bên bà P góp cho ông H 01 tháng với số tiền là 30.000.000 đồng; góp cho bà H 25 tháng với số tiền là 750.000.000 đồng.

Bà P yêu cầu ông H, bà H tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, bên bà P tiếp tục góp cho đến khi đủ 1.800.000.000 đồng. Trường hợp Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu; bà P yêu cầu ông H, bà H trả lại số tiền mà bà P đã trả góp cho ông H, bà H và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình tố tụng, bà Võ Thị Ngọc L trình bày:

Bà H có cho bà L ở trên thửa đất số 90, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre do ông Bùi Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, bà L đợi khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu nhà và đất bà đang ở chia cho người nào, bà sẽ thỏa thuận với người được chia.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP C Việt Nam-Chi nhánh Bến Tre, ông Trịnh Minh C trình bày:

Ông H và bà H có vay của Ngân hàng một số tiền. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên ông H, bà H đã thanh toán cho ngân hàng một khoản tiền. Số tiền bên ông H, bà H còn thiếu lại chưa thanh toán bao gồm cả vốn gốc và lãi phát sinh đến ngày 21/8/2024 là 891.683.826 đồng (Tám trăm chín mươi một triệu sáu

trăm tám mươi ba nghìn tám trăm hai mươi sáu đồng). Do đó, ông H tranh chấp tài sản sau L hôn với bà H, ngân hàng yêu cầu ông H, bà H phải thanh toán cho ngân hàng số tiền bao gồm cả vốn gốc và lãi phát sinh đến ngày 21/8/2024 là 891.683.826 đồng (Tám trăm chín mươi một triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn tám trăm hai mươi sáu đồng), đồng thời yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 22/8/2024 trên số tiền vốn gốc 825.000.000 đồng (Tám trăm hai mươi lăm triệu đồng) cho đến khi ông H, bà H hoàn tất số nợ cho ngân hàng.

Trường hợp ông H, bà H không hoàn trả đầy đủ số nợ cho ngân hàng, ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng số 0190/2021/HĐBĐ/NHCT78009 ngày 21/10/2021 để phát mãi các thửa đất số 365, 65, cùng tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Thới Lai, huyện B, tỉnh Bến Tre và thửa 245, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre để thu hồi toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

Tại đơn yêu cầu vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Lê Khánh Đ trình bày:

Bà Nguyễn Thị Phước H với ông Đ có thỏa thuận, cụ thể bà H có cho ông Đ sử dụng mái che trên thửa đất số 245 tờ bản đồ số 9, đợi kết quả xét xử của Tòa án, ông sẽ thỏa thuận với bên được chia đất và nhà trên đất.

Tại Bản án sơ thẩm số 104/2024/DS-ST ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Văn H đối với bị đơn Nguyễn Thị Phước H về việc “Tranh chấp tài sản sau L hôn”.

Chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Văn H về việc yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận về việc phân chia tài sản của vợ, chồng ngày 26/01/2022 của ông Bùi Văn H với bà Nguyễn Thị Phước H.

Chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Văn H về việc yêu cầu hủy hợp đồng bán nhà trả góp giữa ông Bùi Văn H với bà Nguyễn Thị Ngọc P đối với một phần thửa đất số 566, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã V2, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Không chấp nhận yêu cầu hủy hợp đồng T cho quyền sử dụng đất của ông Bùi Văn H với bà Nguyễn Thị Phước H đối với thửa đất số 40, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Văn H về việc yêu cầu chia các thửa đất tranh chấp, cụ thể như sau:

* Ông Bùi Văn H được chia, nhận và toàn quyền sử dụng các thửa đất và tài sản trên đất gồm:

- Thửa đất số 90, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre do ông Bùi Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa đất số 263, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã V2, huyện B, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị Phước H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa đất số 40, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị Phước H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Giá trị các thửa đất và tài sản trên đất của ông H được nhận là 5.618.488.000 đồng (Năm tỷ sáu trăm mười tám triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng).

(Kèm theo họa đồ hiện trạng các thửa đất tranh chấp).

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bùi Văn H theo bản án đã tuyên đối với các thửa đất số 263, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã V2, huyện B, tỉnh Bến Tre; Thửa đất số 40, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre khi đương sự có yêu cầu, đồng thời chỉnh lý biến động để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H theo quy định của pháp luật).

* Bà Nguyễn Thị Phước H được chia, nhận và toàn quyền sử dụng các thửa đất và tài sản trên đất gồm:

- Thửa đất số 365, thửa đất số 65, cùng tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Thới Lai, huyện B, tỉnh Bến Tre do ông Bùi Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa đất số 346, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre do ông Hùi Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa đất số 290, 291, cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã V2, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Thửa đất số 566, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã V2, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Thửa đất số 245, 246 cùng tờ bản đồ 9, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Giá trị các thửa đất và tài sản trên đất của bà H được nhận là 6.375.331.000 đồng (Sáu tỷ ba trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm ba mươi một nghìn đồng).

Bà H phải bồi hoàn lại cho ông H giá trị cHh Lch là 378.422.000 đồng (Ba trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn đồng).

(Kèm theo họa đồ hiện trạng các thửa đất tranh chấp).

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Phước H theo bản án đã tuyên đối với các thửa đất số 365, thửa đất số 65, cùng tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Thới Lai, huyện B, tỉnh Bến Tre; Thửa đất số 346, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre; Thửa đất số 290, 291, cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã V2, huyện B,

tỉnh Bến Tre; Thửa đất số 566, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã V2, huyện B, tỉnh Bến Tre khi đương sự có yêu cầu, đồng thời chỉnh lý biến động để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H theo quy định của pháp luật).

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Thị Phước H đối với nguyên đơn Bùi Văn H về việc buộc ông H phải có nghĩa vụ trả nợ đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ông H phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà H số tiền là 445.842.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng), nợ của Ngân hàng TMCP C Việt Nam-Chi nhánh Bến Tre.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phước H đối với các yêu cầu sau đây:

- Yêu cầu ông H trả lại 984.834.000 đồng trong đó vốn là 823.704.000 đồng và tiền lãi phát sinh 1,66%, tính từ ngày 30/8/2023 với số tiền là 161.130.000 đồng. Đây là số tiền mà bà H đã trả nợ thay cho ông H các khoản nợ của Ngân hàng Kiên Long;

- Trả lại số tiền 279.174.000 đồng, trong đó tiền vốn là 239.059.445 đồng và tiền lãi phát sinh 40.114.555 đồng mà bà H đã trả thay ông H tại ngân hàng C Việt Nam-Chi nhánh Bến Tre.

- Trả lại cho bà H số tiền 240.000.000 đồng do ông H với bên ông Phạm Văn Dứa, bà Phạm Thị Rục thỏa thuận hủy hợp đồng chuyển nhượng đối với thửa đất số 383, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Lộ Thuận, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ liên đới với bà H hoàn trả cho bà Trần Thị Mỹ H số tiền là 822.830.000 đồng, do đây là khoản nợ mà bà H đã vay của bà H để trả cho Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Bến Tre và ngân hàng TMCP Kiên Long B.

- Yêu cầu ông H phải liên đới với bà H trả 4.000.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Loan E.

- Yêu cầu ông H phải liên đới với bà H hoàn trả 750.000.000 đồng cho bà Trần Thị H.

3/ Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Bạch Y.

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 02/6/2021 giữa bà Nguyễn Thị Bạch Y với ông Bùi Văn H đối với thửa đất số 341, tờ bản đồ số 05, diện tích 1355,1 m², tọa lạc xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 31/3/2022 giữa ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị Phước H tại thửa đất số 341, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.355,1m², tọa lạc xã Long Hoà, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị Bạch Y phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà H số tiền là 2.288.056.500 đồng (Hai tỷ hai trăm tám mươi tám triệu không trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng). Trong đó, tiền vốn là 1.773.000.000 đồng, tiền lãi là 515.056.000 đồng.

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Bạch Y theo bản án đã tuyên đối với thửa đất số 341, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Y, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre khi đương sự có yêu cầu, đồng thời chỉnh lý biên động để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Y theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Bạch Y không hoàn trả, hoàn trả không đầy đủ khoản tiền 2.288.056.500 đồng (Hai tỷ hai trăm tám mươi tám triệu không trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng) cho bà Nguyễn Thị Phước H, bà H được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện B phát mãi thửa đất số 341, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Y, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre để thu hồi toàn bộ số nợ nêu trên.

4/ Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị H, Nguyễn Thị Loan E, Trần Thị Mỹ H, Nguyễn Thị Ngọc L.

Buộc bà Nguyễn Thị Phước H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị H số tiền vay còn thiếu là 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Phước H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Loan E số tiền vay còn thiếu là 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng)

Buộc bà Nguyễn Thị Phước H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị Mỹ H số tiền vay còn thiếu là 822.830.000 đồng.

Buộc ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị Phước H mỗi người phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà L số tiền 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Các bà Trần Thị H, Nguyễn Thị Loan E, Trần Thị Mỹ H, Nguyễn Thị Ngọc L không yêu cầu tính lãi nên không xét, giải quyết.

5/ Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà L Thị Thu H về việc yêu cầu ông H và bà H liên đới hoàn trả 3.600.000.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

6/ Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc P.

Hủy hợp đồng bán nhà trả góp giữa ông Bùi Văn H với bà Nguyễn Thị Ngọc P đối với một phần thửa đất số 566, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã V2, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Buộc ông Bùi Văn H phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc P số tiền là 37.844.000 đồng (Ba mươi bảy triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng). Trong đó tiền vốn mà bà P góp cho ông H là 30.000.000 đồng, tiền lãi là 7.844.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Phước H phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc P số tiền là 843.375.000 đồng (Tám trăm bốn mươi ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Trong đó tiền vốn là 750.000.000 đồng, tiền lãi là 93.375.000 đồng.

7/ Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP C Việt Nam-Chi nhánh Bến Tre.

Buộc bà Nguyễn Thị Phước H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ngân hàng số tiền 891.683.826 đồng (Tám trăm chín mươi một triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn tám trăm hai mươi sáu đồng). Ngoài ra, bà H còn phải tiếp tục trả lãi cho ngân hàng số tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng trên số tiền vốn gốc 825.000.000 đồng (Tám trăm hai mươi lăm triệu đồng) kể từ ngày 22/8/2024 cho đến khi hoàn tất số nợ cho ngân hàng.

Trường hợp bà H không trả nợ, trả nợ không đầy đủ cho ngân hàng, ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre phát mại tài sản thế chấp là thửa đất số 365, 65, cùng tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Thời Lai, huyện B, tỉnh Bến Tre và thửa 245, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre theo hợp đồng thế chấp mà ông H, bà H đã ký kết với ngân hàng theo quy định tại Điều 299, 304 Bộ luật dân sự để thu hồi toàn bộ số nợ mà bà H còn thiếu ngân hàng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, lãi chậm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 06/9/2024, nguyên đơn ông Bùi Văn H kháng cáo. Ông H không đồng ý nhận thừa 40, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Ông H yêu cầu nhận các thửa đất số 566, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã V2, huyện B, tỉnh Bến Tre; Thửa đất số 90, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre; Thửa đất số 263, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã V2, huyện B, tỉnh Bến Tre; Thửa đất số 346, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre. Ông H không đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc L số tiền 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng). Ông H yêu cầu nhận 1/2 số tiền 2.288.056.500 đồng mà bà Nguyễn Thị Bạch Y phải hoàn trả cho bà H vì là

tài sản chung; Yêu cầu bà Nguyễn Thị Phước H bồi hoàn lại cho ông H phần cHh Lch thửa 65, 365 cùng tờ bản đồ số 5; thửa 245, tờ bản đồ số 9.

* Ngày 04/9/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Phước H kháng cáo. Bà H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phước H.

* Ngày 09/9/2024, người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bạch Y là ông Nguyễn Nhật L kháng cáo. Ông L kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ chấp nhận phần tiền gốc bà Y thừa nhận có vay của bà H là 400.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày vay đến khi xét xử.

* Ngày 11/9/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H và bà Trần Thị Mỹ H kháng cáo. Bà H, H kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu độc lập của hai bà.

* Ngày 24/9/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 15/QĐ-VKS-DS kháng nghị đối với Bản án sơ thẩm ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm số 104/2024/DS-ST ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre, đối với yêu cầu khởi kiện của ông H; yêu cầu phản tố của bà H đối với ông H; yêu cầu độc lập của bà H, bà H, bà Loan E, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn ông Bùi Văn H thay đổi nội D kháng cáo, trước đây ông yêu cầu nhận các thửa đất số 566, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã V2, huyện B, tỉnh Bến Tre; Thửa đất số 90, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre; Thửa đất số 263, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã V2, huyện B, tỉnh Bến Tre; Thửa đất số 346, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã a, huyện B, tỉnh Bến Tre. Nay ông yêu cầu nhận 3 thửa: thửa đất số 566, tờ bản đồ số 8, thửa đất số 246 tờ bản đồ số 9, thửa đất số 90, tờ bản đồ số 9, các nội D kháng cáo còn lại giữ nguyên.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Phước H là bà Huỳnh Thị D vẫn giữ nguyên nội D kháng cáo.

Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bạch Y là ông Nguyễn Nhật L thay đổi nội D kháng cáo, thừa nhận bà Y còn nợ bà H số nợ gốc 1.773.000.000 đồng, yêu cầu xE xét lại phần lãi của

số tiền trên, không có ý kiến gì đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là luật sư M trình bày: Đề nghị chấp nhận toàn bộ kháng cáo, yêu cầu phản tố của bị đơn. Đề nghị chia toàn bộ 3 khoản nợ ngân hàng Kiên Long, ngân hàng C, ngân hàng Sacombank theo xác nhận của ngân hàng. Nguyên đơn thừa nhận 3 khoản nợ này là vợ chồng và đồng ý chia đôi số nợ. Đối với bà Y, cần xem lại tư cách của ông L vì ông L nhân danh bà Y khởi kiện, trả thay bà Y các khoản nợ đối với bà H. Nếu không tuyên hợp đồng khởi kiện vô hiệu thì đề nghị buộc ông L liên đới cùng bà Y trả nợ cho bà H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Y là luật sư Hữu T trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại phần lãi của số tiền 1.773.000.000 đồng, xem xét việc bà H yêu cầu phát mãi quyền sử dụng đất thửa 341 để thi hành án cho bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị và phát biểu:

Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Hủy một phần bản án sơ thẩm số 104/2024/DS-ST ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre, đối với yêu cầu khởi kiện của ông H; yêu cầu phản tố của bà H đối với ông H; yêu cầu độc lập của bà H, bà H, bà Loan E, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của ông H, bà H, bà Y, bà H, bà H; xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nhận thấy vào các ngày 06/02/2024 (BL số: 328a); ngày 19/01/2024 (Bl số: 332a); ngày 07/8/2024 (Bl số: 964a); ngày 29/9/2022 (Bl số: 634a); ngày 25/9/2023 (Bl số: 650); ngày 02/10/2023 (Bl số: 663); ngày 08/10/2024; (Bl số 680a); ngày 21/9/2023 (Bl số: 692); ngày 01/02/2024 (Bl số: 703); ngày 29/6/2023 (Bl số: 734a) Tòa án nhân dân huyện B thụ lý yêu cầu phản tố của bà H về việc yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả cho bà các khoản tiền mà bà đã trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long; Ngân hàng thương mại cổ phần C

Việt Nam - chi nhánh Bến Tre; thụ lý yêu cầu độc lập của bà Trần Thị H; bà Nguyễn Thị Loan E; bà Trần Thị Mỹ H; bà Nguyễn Thị Ngọc L về việc yêu cầu ông H, bà H liên đới trả cho các bà số tiền bà H, ông H vay; thụ lý yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam - chi nhánh Bến Tre về việc yêu cầu ông H, bà H có nghĩa vụ trả tiền theo các hợp đồng tín dụng; thụ lý yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bạch Y về việc tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm chỉ xác định một mối quan hệ tranh chấp là “tranh chấp chia tài sản sau khi L hôn” mà không xác định các yêu cầu phản tố của bà H là “tranh chấp đòi tài sản” và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hợp đồng tín dụng và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” là xác định thiếu quan hệ tranh chấp.

Việc bà H yêu cầu ông H cùng liên đới trả số tiền 891.683.826 đồng cho Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam - chi nhánh Bến Tre; trả số tiền 822.830.000 đồng vay của bà H; trả số tiền 4.000.000.000 đồng vay của bà Loan E; số tiền 750.000.000 đồng vay của bà H, bản án sơ thẩm xác định đây là yêu cầu phản tố của bà H đối với ông H là không đúng bởi phía Ngân hàng, bà H, bà Loan E, bà H đều có yêu cầu độc lập trong vụ án và Tòa án đã thụ lý giải quyết các yêu cầu này.

Đơn yêu cầu độc lập ngày 21/9/2023 của bà Nguyễn Thị Mỹ H, yêu cầu ông H, bà H cùng liên đới trả cho bà số tiền 6.570.000.000 đồng và lãi 2%/tháng đã được Tòa án nhân dân huyện B thụ lý. Ngày 20/7/2024 bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.747.170.000 đồng. Án sơ thẩm không tuyên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với số tiền 5.747.170.000 đồng là giải quyết chưa hết yêu cầu của bà H.

Bà H cho rằng số tiền 4.000.000.000 đồng theo yêu cầu độc lập của bà Loan E bà dùng để trả cho 02 khoản vay của bà và ông H tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín với tổng số tiền là 4.000.000.000 đồng. Chứng cứ bà H cung cấp là “Sổ phụ TK tiền gửi không kỳ hạn: từ ngày 01/4/2022 đến ngày 01/11/2022 của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín nội D thể hiện đã thu tất toán của bà H tổng số tiền 3.015.550.120 đồng. Tòa án chưa có văn bản yêu cầu Ngân hàng xác nhận nghĩa vụ của ông H, bà H đối với 02 khoản vay nêu trên là thu thập chứng cứ chưa toàn diện.

[2] Ông H cho rằng: Tại Quyết định công nhận sự thuận T L hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre ghi nhận: “Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận; Về nợ chung: Không có”. Ngày 26/01/2022, ông H với bà H ký thỏa thuận về việc phân chia tài sản vợ chồng, nội D cụ thể “Tất cả tài sản chung của vợ, chồng

thuộc toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt của bà H". Ông H chỉ ở trong 01 ngôi nhà, đồng thời, bà H đồng ý chu cấp tiền sinh hoạt hàng tháng cho ông H sống cho đến khi chết. Thời gian đầu, bà H thực hiện đúng theo sự cam kết. Tuy nhiên, sau đó không thực hiện việc chu cấp cho ông H, khóa cửa đuổi ông H ra khỏi nhà nên ông H khởi kiện yêu cầu bà H chia cho ông ½ tài sản chung là quyền sử dụng đất đã thỏa thuận trong văn bản ngày 26/01/2022 bao gồm các thửa: 365, 65, cùng tờ bản đồ số 5, tọa lạc xã Thới Lai, huyện B; Thửa đất số 346, tờ bản đồ số 10, tọa lạc xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre; Thửa đất số 90, tờ bản đồ số 9, tọa lạc xã V, huyện B; Thửa đất số 290, 291, cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã V2, huyện B; Thửa đất số 566, tờ bản đồ số 8, tọa lạc xã V2, huyện B; Thửa đất số 263, tờ bản đồ số 12, tọa lạc xã V2, huyện B; Thửa đất số 245, 246, cùng tờ bản đồ số 9, tọa lạc xã V, huyện B; Thửa đất số 40, tờ bản đồ số 21, tọa lạc xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm là có cơ sở xE xét.

Tuy nhiên, hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 31/8/2023, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B có xác nhận trong các thửa đất đang tranh chấp, thửa 290, 291, cùng tờ bản đồ số 03, tọa lạc xã V2, huyện B; thửa 246, tờ bản đồ số 9, tọa lạc xã V, huyện B có thể chấp Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long – chi nhánh tỉnh Bến Tre – Phòng giao dịch huyện B nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long – chi nhánh tỉnh Bến Tre vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là xác định thiếu người tham gia tố tụng; Ngày 02/10/2023, Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long – chi nhánh tỉnh Bến Tre có văn bản xác nhận bà H đã thanh toán xong khoản vay của hợp đồng tín dụng từng lần số 133/21HĐTD/0301-5838 ngày 02/11/2021, Tòa án cấp sơ thẩm không có văn bản yêu cầu Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B xác nhận các thửa đất trên đã được giải chấp hay chưa mà tiến hành chia tài sản chung là thu thập chứng cứ chưa toàn diện.

[3] Bà H thừa nhận giữa bà với ông H có ký thỏa thuận ngày 26/01/2022 và theo nội D thỏa thuận ông H giao hết tài sản chung cho bà để bà thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung giữa bà với ông H. Sau khi thỏa thuận được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, trên cơ sở văn bản thỏa thuận ngày 26/01/2022 bà đã vay tiền của một số người để trả một số khoản nợ chung giữa bà với ông H nên bà không đồng ý yêu cầu chia tài sản chung của ông H. Nếu ông H yêu cầu chia tài sản chung bà yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả cho bà ½ số tiền nợ mà trước đó bà đã trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long – chi nhánh Bến Tre; Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam – chi nhánh Bến Tre; trả cho bà ½ số tiền ông H đã thỏa thuận với ông Dứa bà Rực khi tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng đối với thửa đất số 383, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Lộ Thuận, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 12/5/2022 và cùng có nghĩa vụ liên đới trả các khoản

nợ mà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Đối với yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 984.834.000 đồng trong đó vốn là 823.704.000 đồng và tiền lãi phát sinh 1,66%, tính từ ngày 30/8/2023 với số tiền là 161.130.000 đồng. Bà H cho rằng đây là số tiền mà bà H đã trả nợ thay cho ông H các khoản nợ của Ngân hàng Kiên Long nhận thấy: Trong thời kỳ hôn nhân, ông H và bà H có ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 133/21HĐTD/0301-5838 ngày 02/11/2021 vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long - chi nhánh tỉnh Bến Tre số tiền 1.400.000.000 đồng và có thế chấp quyền sử dụng đất thửa 246, tờ bản đồ số 9, nên có căn cứ xác định đây là khoản nợ chung của ông H và bà H. Tại Công văn số 323 ngày 02/10/2023 của Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long – chi nhánh tỉnh Bến Tre (BL số 512) xác nhận: vào ngày 29/8/2023 và 30/8/2023 bà Nguyễn Thị Phước H đã tất toán nợ vay theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 133/21HĐTD/0301-5838 ngày 02/11/2021 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long – Phòng giao dịch B với tổng số tiền 1.647.408.200 đồng, gồm: 1.400.000.000 đồng tiền gốc và 247.408.200 đồng tiền lãi. Do đó, việc bà H yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả lại cho bà $\frac{1}{2}$ số tiền bà đã trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long – chi nhánh tỉnh Bến Tre là 823.704.000 đồng và tiền lãi phát sinh 1,66%, tính từ ngày 30/8/2023 là có căn cứ.

Đối với yêu cầu ông H trả lại bà H số tiền 279.174.000 đồng, trong đó tiền vốn là 239.059.445 đồng và tiền lãi phát sinh là 40.114.555 đồng mà bà H đã trả thay ông H tại ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam - chi nhánh Bến Tre nhận thấy: Theo hợp đồng cho vay số 38230.076/2021-HĐCVTL/NHCT78009 ngày 27/10/2021 bà H và ông H đã vay của Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam – chi nhánh Bến Tre số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng. Tính đến ngày 25/6/2024 số tiền nợ gốc còn lại là 825.000.000 đồng (căn cứ theo yêu cầu độc lập của Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam – chi nhánh Bến Tre). Như vậy khoản tiền 1.500.000.000 đồng đã thanh toán được 675.000.000 đồng tiền nợ gốc (trong đó có số tiền 239.059.445 đồng bà H yêu cầu ông H có nghĩa vụ hoàn trả) nên có cơ sở để xE xét.

Đối với yêu cầu ông H trả cho bà H số tiền 240.000.000 đồng bằng $\frac{1}{2}$ số tiền mà ông H với bên ông Phạm Văn Dừa, bà Phạm Thị Rục thỏa thuận hủy hợp đồng chuyển nhượng đối với thửa đất số 383, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Lộ Thuận, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 12/5/2022 nhận thấy: Trong nội D văn bản ngày 26/01/2022 quyền sử dụng đất thuộc thửa 383, tờ bản đồ số 5 diện tích 1840m² tọa lạc xã Lộ Thuận, huyện B, tỉnh Bến Tre ông H bà H đã thống nhất là tài sản chung. Đến ngày 12/5/2022 ông H với ông Phạm Văn Dừa, bà Phạm Thị

Rực thỏa thuận hủy hợp đồng chuyển nhượng đối với thửa đất số 383, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Lộc Thuận, huyện B, tỉnh Bến Tre; ông Dừa, bà Rực có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 480.000.000 đồng là số tiền liên quan đến việc chuyển nhượng thửa đất 383, tờ bản đồ số 5 là tài sản chung của ông H bà H. Do đó, yêu cầu của bà H về việc buộc ông H có nghĩa vụ trả cho bà ½ của số tiền 480.000.000 đồng là 240.000.000 đồng là có căn cứ.

Toà án cấp sơ thẩm cho rằng tại Quyết định L hôn số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre giữa ông H, bà H đã ghi nhận “Nợ chung: Không có”, T tiết này được xE là T tiết không phải chứng minh, các khoản nợ bà H đã trả thay cho ông H là sự tự nguyện của bà H, giữa bà H với ông H không có sự thỏa thuận về việc bà H trả nợ thay cho ông H”, để không buộc ông H phải hoàn trả lại số tiền mà bà H đã trả thay là chưa xE xét, đánh giá toàn diện các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà H.

[4] Đối với yêu cầu độc lập của bà Trần Thị H, bà Nguyễn Thị Loan E, bà Trần Thị Mỹ H về việc buộc ông H có nghĩa vụ liên đới với bà H trả cho bà H, bà Loan E, bà H số tiền vay:

Toà án cấp sơ thẩm nhận định: Các khoản nợ mà bà H vay của bà Trần Thị H, bà Nguyễn Thị Loan E, bà Trần Thị Mỹ H, ông H không biết và không có ký tên vào giấy nợ để không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà H, bà H, bà Loan E về nghĩa vụ liên đới của ông H mà không xE xét thời gian bà H ký tên vay tiền, mục đích vay tiền của bà H là xE xét đánh giá tài liệu, chứng cứ chưa toàn diện. Hơn nữa trong số tiền bà H vay của bà H, vay của bà Loan E trong đơn yêu cầu phản tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bà H trình bày là sử dụng tiền vay của bà H, bà Loan E để trả các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long - chi nhánh Bến Tre; Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam - chi nhánh Bến Tre; Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín; tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án chưa thể hiện cụ thể khoản tiền bà H vay của bà H, bà Loan E dùng để trả khoản vay của Ngân hàng là bao nhiêu là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

[5] Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền yêu cầu xử lý tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 341, tờ bản đồ số 5 để đảm bảo nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị Bạch Y đối với bà H ở giai đoạn thi hành án là không đúng quy định.

Từ những phân tích trên xét thấy bản án sơ thẩm có nhiều thiếu sót, cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Vì vậy, để giải quyết được toàn diện vụ án, cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung. Tuy nhiên, đối với phần yêu cầu độc lập của bà Lê Thị Thu H, do bà Thu H có đơn rút yêu cầu độc lập nên Toà án

cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Thu H là phù hợp, cần giữ nguyên phần này của bản án sơ thẩm.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do án sơ thẩm bị huỷ nên các đương sự có kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 15/QĐ-VKS-DS ngày 24/9/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

1. Giữ nguyên một phần Bản án sơ thẩm số 104/2024/DS-ST ngày 26/8/2024 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre đối với yêu cầu độc lập của bà Lê Thị Thu H. Cụ thể tuyên:

Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Lê Thị Thu H về việc yêu cầu ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị Phước H liên đới trả số tiền 3.600.000.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm triệu đồng).

2. Hủy các phần còn lại của Bản án sơ thẩm số 104/2024/DS-ST ngày 26/8/2024 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Đối với yêu cầu độc lập của bà Lê Thị Thu H: Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003257 ngày 08/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Các phần án phí sơ thẩm khác của vụ án sẽ được xét khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Bùi Văn H, bà Nguyễn Thị Phước H, bà Nguyễn Thị Bạch Y, bà Trần Thị H, bà Trần Thị Mỹ H không phải chịu án phí phúc thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện B:

- Hoàn lại cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003953 ngày 06/9/2024.

- Hoàn lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003947 ngày 04/9/2024.

- Hoàn lại cho bà Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003956 ngày 09/9/2024.

- Hoàn lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003968 ngày 16/9/2024.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Chánh án TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạt